

Số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2021.

Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Võ Thị Mỹ N

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-STHN, ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự :

**1. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú tại nhà số 52, Khóm Tân T, Phường Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Nơi sinh sống tại nhà số 188, Khóm Tân B, Phường Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

**2. Bị đơn:** Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi cư trú tại nhà số 52, Khóm Tân T, Phường Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, Bà Phạm Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung, tài sản và nợ tài sản.**

Bà H và ông B quen biết nhau, tìm hiểu thời gian và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, thị xã Vĩnh L (nay là Phường Tân H, thành phố Vĩnh L) vào ngày 17/7/2008. Về con chung, có hai con chung Đỗ Thị Thúy Q, sinh ngày 05/3/2009 và Đỗ Thế V, sinh ngày 01/9/2018. Hiện tại ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không có tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bà H khai**, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2017 đến nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp với nhau trong đời sống vợ chồng, không hợp nhau về tính tình và đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông B, yêu cầu được ly hôn. Về con chung, do đi làm nên không thể trực tiếp nuôi con, ông B có điều kiện tốt nên giao hai con chung cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

**Ông B phản bác rằng**, lời trình bày của bà H về nguyên nhân mâu thuẫn để ly hôn là không đúng và chưa thuyết phục. Vì vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà H về nhà mẹ ruột ở từ tháng 12/2020 cho đến nay. Ông B không đồng ý ly hôn, vì còn tình cảm và mong muốn được đoàn tụ, để cùng chăm sóc con chung. Nếu ly hôn, ông B yêu cầu được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, do có có khả năng kinh tế nên không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

**Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình.** Bà H khai, từ 3- 4 năm nay vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, ông B chỉ lo ăn chơi và gây nợ nhưng khi được hỏi tới thì cho rằng không có, sau đó thì vỡ lẽ ra nợ là có thật. Góp ý ông B rất nhiều lần, gia đình hai bên đều biết nhưng ông B không sửa đổi. Lần cuối cùng ông B tiếp tục gây nợ thêm nên bà H ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Bà H không cho ông B cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng thêm nữa, không muốn trở về chung sống với ông B, yêu cầu được ly hôn. Khi ly thân rời khỏi nhà, bà H có dẫn con theo nhưng do con nhớ cha nên cách nay 01 tháng đã dẫn con về cho ông B. Hiện tại ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, khi ly hôn bà H giao cho ông B tiếp tục nuôi hai con. Bà H có thu nhập lương ổn định 6.000.000 đồng/tháng nhưng không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B giữ nguyên yêu cầu lời khai phản bác và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình.** Ông B khai, sau khi cưới bà H về làm dâu và sinh sống chung gia đình bên chồng. Từ khi cưới đến nay, ông B vẫn yêu thương, tôn trọng bà H. Những lời khai của bà H về các khoản nợ là có, vì làm ăn nên gây nợ nhưng các khoản nợ đó ông B và mẹ ruột có nghĩa vụ trả, không để bà H trả nợ. Ông B muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn yêu thương nên không đồng ý ly hôn. Ông B có thu nhập lương ổn định 6.000.000 đồng/tháng, hiện tại ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Đồng ý tiếp tục nuôi hai con chung và tự nguyện, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai con; Tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Quan hệ pháp luật xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Hôn nhân giữa bà H và ông B có đăng ký kết hôn là tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Xét lời khai của bà H cho rằng, nguyên nhân ly hôn là do đôi bên bất đồng quan điểm, tình tình không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm cho đến tháng 12 năm

2020 ly thân cho đến nay. Với yêu cầu đoàn tụ của ông B, phía bà H xác định không còn tình cảm, cương quyết không hàn gắn hôn nhân. Như vậy cho thấy, việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không làm cho mục đích hôn nhân đạt được sự yêu thương, quan tâm chăm sóc, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3]. Về con chung, bà H và ông B đã thỏa thuận, hai con chung sẽ do ông B tiếp tục nuôi dưỡng và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đồng thời phù hợp với tâm tư nguyện vọng của bé Quỳnh. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này là phù hợp với pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà H và ông B phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”; “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

- Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N<sup>0</sup>0000079 ngày 10/3/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Ông B không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và sơ thẩm hôn nhân.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**I.** Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; Điều 146, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Hạnh.

- **Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa Bà Phạm Thị H và Ông Đỗ Thanh B.

- **Về con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà H và ông B.

Ông B được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Đỗ Thị Thúy Q, sinh ngày 05/3/2009 và Đỗ Thế V, sinh ngày 01/9/2018. Bà H khởi phải cấp dưỡng nuôi hai

con chung. Bà H được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung, nợ tài sản:** Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**II. Về án phí sơ thẩm:** Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N<sup>0</sup>0000079 ngày 10/3/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Ông B không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ.

( Đã ký)

**Nguyễn Thu T**